

ĐÌNH TIÊN HOÀNG - VỊ VUA ĐẸP LOẠN, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC, ĐẶT QUỐC HIỆU LÀ ĐẠI CỐ VIỆT

THIỆU TÁ NGUYỄN VĂN YÊM
Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng



Tượng thờ vua Đinh Tiên Hoàng.



Đền vua Đinh Tiên Hoàng
tại xã Trương Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Dân tộc Việt Nam có lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời, có nền văn hóa vô cùng đặc sắc. Những thành tựu đó là công lao tạo dựng của lớp lớp thế hệ con người Việt Nam, những nhân vật lịch sử cụ thể. Trong đó, các đế vương - người giữ quyền lực lớn nhất, tài trí hơn người đã tạo nên những ảnh hưởng phi thường trong tiến trình lịch sử. Trong các vị hoàng đế Việt Nam, nhiều người có công lao to lớn, là anh hùng dân tộc, lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống giặc ngoại xâm, giành lại độc lập cho đất nước. Có những vị vua đức độ, tài năng, văn thao võ lược, khai sáng những sự nghiệp to lớn, xây dựng nên một quốc gia thịnh vượng hùng cường, để lại dấu ấn của có nhân không bao giờ phai mờ - Đinh Tiên Hoàng (Đinh Bộ Lĩnh) là một vị vua như thế. Ông là vị vua dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, dựng đô, đặt quốc hiệu, đề ra phương lược phát triển quốc gia Đại Cồ Việt.

Đình Tiên Hoàng (Đình Bộ Lĩnh) - Vị vua dẹp loạn, thống nhất đất nước

Đình Tiên Hoàng, tên húy là Đinh Bộ Lĩnh, sinh ngày 22-3-924 tại thôn Kim Lư, làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay là thôn Văn Bông, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình), là con của

Thứ sử Châu Hoan Đinh Công Trứ. Cha mất sớm, Đinh Bộ Lĩnh theo mẹ về quê, nương thân với chú ruột là Đinh Dự và phải ở chăn trâu cho chú.

Từ nhỏ, Đinh Bộ Lĩnh đã bộc lộ rõ là người có tài chỉ huy. Ông thường cùng nhóm trẻ chăn trâu bẻ bông lau làm cờ tập trận. Trong đám bạn đó, có Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ và Trịnh Tú,

những người sau này cùng Đinh Bộ Lĩnh tạo nên sự nghiệp của nhà nước Đại Cồ Việt. Bàn về Đinh Tiên Hoàng, sử thần Lê Văn Hưu đã viết: “Tiên Hoàng tài năng sáng suốt hơn người, dùng lược nhất đời, đương lúc nước Việt ta không chủ, các hùng trưởng cát cứ đánh một cái mà 12 sứ quân thần phục hết, rồi mở nước đóng đô, đôi xung Hoàng đế, đặt trăm quan, dụng sáu quân, chế độ gần đủ, chắc là ý trời vì nước Việt ta mà lại sinh bậc thánh triết để tiếp nối chính thống của Triệu Vương chăng”¹.

Với tài năng và ý chí của bản thân, Đinh Bộ Lĩnh trở thành người cầm đầu sách Đào Úc, rồi cả châu Đại Hoàng. Ông đã quản lý, cai trị một vùng rộng lớn, nơi tách ra khỏi chính quyền Cổ Loa vào năm 944. Ngay từ tuổi trẻ, Đinh Bộ Lĩnh rất gắn bó với quê hương Hoa Lư, chính điều đó đã sớm hun đúc cho ông tình yêu thương, lòng hiếu thảo với cha mẹ, tính cần mẫn và cương nghị, tự lực vươn lên trong cuộc sống và tình yêu quê hương đất nước, không chấp nhận cảnh hung ngược bạo tàn.

Đinh Bộ Lĩnh nghe tiếng Trần Minh Công là người có đức mà không có con nối dõi, bèn cùng với con là Đinh Liễn đến nương tựa. Minh Công thấy Đinh Bộ Lĩnh tướng mạo khôi ngô lạ thường, lại có khí lượng nên nhận làm con, giao cho coi quân, sai đi đánh các hùng trưởng khác, đều giành thắng lợi. Theo sách *Việt Nam sử lược*: Do không hòa hợp với chú nên Đinh Bộ Lĩnh cùng với con là Liễn sang ở với Sứ quân Trần Minh Công ở Bồ Hải Khẩu (Phủ Kiến Xương - Thái Bình). Sau khi Trần Minh Công mất, Đinh Bộ Lĩnh thay quyền, đưa quân về Hoa Lư, chiêu mộ binh lính, chống nhà Ngô và các sứ quân khác.

Đầu năm 968, sau khi chiếm lại vùng Bắc Ninh, vốn do các sứ quân Nguyễn Thủ Tiệp và Lý Khuê cát cứ, Đinh Bộ Lĩnh chuyển quân về Siêu Loại, cho Đinh Liễn và Nguyễn Bặc đem ba ngàn quân tiến đánh quân Lã Đường. Lã Đường chủ trương tản quân, đóng giữ chỗ hiểm yếu rậm rạp vùng bùn lầy. Hết

quân Hoa Lư đi đông thì tránh mà đi lẻ, chặn đánh, diệt một vài lính, rồi lại bỏ chạy. Nguyễn Bặc bày kế cho quân Hoa Lư tập trung, tập kích quân lương tiếp vận của quân Lã Đường. Trong vòng 7 ngày, vòng đai phòng thủ bên ngoài của quân Lã Đường bị tiêu diệt hoàn toàn, Đinh Liễn, Nguyễn Bặc đánh sâu vào trung tâm, bắt, giết được Lã Đường, thu phục hoàn toàn đất Tế Giang.

Để thực hiện nhiệm vụ dẹp loạn và thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh đã khôn khéo vận dụng kế sách chính trị kết hợp với quân sự. Trong lúc lực lượng còn non yếu, ông đã liên kết với sứ quân Trần Lâm ở Bồ Hải Khẩu (Thái Bình), thu phục được Phạm Bạch Hổ ở Đằng Châu (Hưng Yên) về làm Thân vệ tướng quân. Khi lực lượng đủ mạnh, ông không tiêu diệt mà hàng phục Ngô Nhật Khánh ở Đường Lâm (Hà Nội), Ngô Xương Xí ở Bình Kiều (Thanh Hóa) vốn là những hậu duệ nhà Ngô để lấy lòng thiên hạ, hạn chế cảnh binh đao.

Sau hơn 20 năm nuôi dưỡng và tập hợp binh lính, Đinh Bộ Lĩnh đã hoàn thành nhiệm vụ dẹp loạn, thống nhất đất nước. Bằng biện pháp chính trị mềm dẻo - liên kết và hàng phục, kết hợp với biện pháp quân sự, hành quân tiêu diệt, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp loạn 12 sứ quân trong vòng hai năm (966-967), được tôn là Vạn Thắng Vương. Ông đã thủ tiêu quyền tự trị, xóa bỏ tình trạng phân tán của các quân thiết lập ở các địa phương nhân lúc bộ máy nhà nước vương triều Ngô sụp đổ. Đinh Bộ Lĩnh đã khôi phục nền thống nhất đất nước, thiết lập nhà nước quân chủ trung ương tập quyền do ông đứng đầu.

Chiến tranh kết thúc năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế. Thắng lợi của Đinh Bộ Lĩnh là thắng lợi của xu hướng thống nhất đất nước, của tinh thần dân tộc và ý chí độc lập trong nhân dân. Việc Đinh Bộ Lĩnh khéo kết hợp dùng võ công và biện pháp chiêu hàng các sứ quân để sớm chấm dứt loạn 12 sứ quân là rất kịp thời, vì không lâu sau đó nhà Tống dẫn quân tới Quảng Châu, diệt nước Nam

Hán (971), áp sát biên giới Đại Cồ Việt. Nếu không có sự xuất hiện của Đinh Bộ Lĩnh thì đất nước khó thoát khỏi họa xâm lăng từ phương bắc tái diễn khi nhà Tống hoàn thành việc thống nhất Trung Hoa.

Đinh Tiên Hoàng - Vị vua đặt Quốc hiệu là Đại Cồ Việt

Năm Mậu Thìn 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua, lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng đế, quân dân dâng tôn hiệu là Đại Thắng Minh Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư, bắt đầu dựng đô mới, đắp thành đào hào, xây cung điện, đặt triều nghi, bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước. Vua Đinh Tiên Hoàng cho xây cung điện, chế triều nghi, định phẩm hàm quan văn, quan võ. Vua phong cho Nguyễn Bặc là Định Quốc Công, Đinh Điền là Ngoại giáp, Lê Hoàn làm Thập đạo tướng quân, Lưu Cơ làm Đô hộ phủ sứ, Tăng thống Ngô Chân Lưu được ban hiệu là Khuông Việt đại sư, Trương Ma Ni làm Tăng lục, Đạo sĩ Đặng Huyền Quang làm Sùng chân uy nghi và phong cho con là Đinh Liễn làm Nam Việt Vương.

Từ năm Canh Ngọ 970, Đinh Tiên Hoàng đặt niên hiệu là Thái Bình và cho đúc tiền đồng Thái Bình - đồng tiền cổ nhất nước ta. Nhà Đinh là triều đại đầu tiên đặt nền móng cho nền tài chính - tiền tệ của Nhà nước phong kiến Việt Nam. Đồng tiền Thái Bình được đúc bằng đồng, hình tròn, lỗ vuông, có thể xâu thành chuỗi. Mặt phải có đúc bốn chữ "Thái Bình Hưng Bảo", mặt sau có chữ "Đinh". Gần 70 triều vua sau đó, hầu như triều nào cũng đều cho đúc loại tiền đồng này.

Trong quá trình xây dựng nhà nước Đại Cồ Việt, vua Đinh Tiên Hoàng đã chỉ đạo xây dựng về mọi mặt. Trong đó, về kinh tế, thông qua các đơn vị hành chính đã thiết lập, nhà Đinh quản lý chặt chẽ ruộng đất và con người, nhằm thu tô thuế, cống phẩm và huy động nghĩa vụ lao dịch, binh dịch để phục vụ cho bộ máy nhà nước quân chủ, đồng thời tiến hành những công việc chung: quốc

phòng, giao thông, thủy lợi, các công trình xây dựng... Bên cạnh nền kinh tế nông nghiệp lúa nước là chủ yếu, thời kỳ này thủ công nghiệp cũng đã phát triển, đặc biệt là ngành dệt, thuộc da, may mặc. Thương nghiệp cũng được mở mang, năm 976 đã có thuyền buôn nước ngoài đến dâng sản vật của nước họ.

Về chính trị, Đinh Tiên Hoàng sử dụng chính sách cai trị nghiêm khắc. Để duy trì, củng cố quyền lực của vương triều mình, đồng thời trừng trị kẻ gian ác, Đinh Tiên Hoàng cho đặt vạc lớn ở sân triều, nuôi hổ dữ trong cũi, hạ lệnh rằng: "Kẻ nào trái phép phải chịu tội bỏ vạc đầu, cho hổ ăn". Mọi người đều sợ phục, không ai dám phạm.

Về quân sự, năm 974 vua Đinh Tiên Hoàng ban lệnh tổ chức quân đội: "gồm 10 đạo, mỗi đạo có 10 quân, mỗi quân có 10 lữ, mỗi lữ có 10 tốt, mỗi tốt có 10 ngũ, mỗi ngũ có 10 người, tất cả đều đội mũ vuông, chóp bằng"². Đây là một hình thức tổ chức quân đội rất độc đáo của Đinh Tiên Hoàng: tĩnh là dân, động là binh. Khi đất nước thanh bình thì người dân lao động sản xuất ở thôn xóm, khi đất nước có việc thì gọi ra lính, xong việc binh lại trở về sản xuất. Cách tổ chức quân đội như vậy vừa phù hợp với tình hình dân số, nền kinh tế thời đó vừa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, được các triều đại Lý, Trần sau này kế thừa, phát triển thành chính sách "ngụ binh ư nông" - hình thức vũ trang toàn dân, dựa vào nghề nông để phát triển quân đội.

Không chỉ chú trọng củng cố quốc phòng, ổn định chính trị, phát triển kinh tế, Đinh Tiên Hoàng còn xây dựng phương sách hết sức đúng đắn, sáng tạo đó là mở rộng quan hệ bang giao hòa hiếu với các nước láng giềng để đẩy lùi và ngăn chặn nguy cơ chiến tranh. Bàn về tài ngoại giao của vua Đinh Tiên Hoàng, vua nhà Tống đã thừa nhận rằng: "Họ Đinh đời đời làm dòng họ lớn, giữ được phương xa, lòng chuộng phong hóa Trung Quốc, luôn muốn nội phục. Nay chín châu đã thống nhất, ngoài ngũ lĩnh đã quét sạch, đã sai sứ tề non vượt biển

sang dâng đồ cống. Khen cái ý người còn tốt"³. Bằng chính sách bang giao hòa hiếu đúng đắn, trong suốt 12 năm trị vì, triều Đinh không phải đối phó với cuộc xâm lược nào từ phương Bắc. Chính những năm tháng hòa bình đó đã giúp cho nhà Đinh ổn định phát triển kinh tế, củng cố sức mạnh quốc phòng, đủ sức đối phó với âm mưu xâm lược của nhà Tống sau này và giành thắng lợi vẻ vang.

Kinh đô nhà Đinh đóng tại Hoa Lư (Ninh Bình), thuộc về Trường Châu thời Bắc thuộc lần 3. Dựa vào các khối đá vôi cao dựng đứng ôm lấy vùng đất cao không bị ngập do thủy triều và nước lũ, lại có sông Hoàng Long ở phía Bắc, sông Sào Khê chảy xuyên qua kinh thành thuận lợi cho giao thông đường thủy, vua Đinh Tiên Hoàng đã cho đắp những đoạn tường thành nhân tạo nối liền các dãy núi thiên nhiên tạo thành một đô thành vững chắc, bảo vệ cung vua bên trong.

Việc Đinh Tiên Hoàng chọn Hoa Lư làm kinh đô mà không chọn Cổ Loa của nhà Ngô hay Đại La thời Bắc thuộc là một quyết định đúng đắn. Với hoàn cảnh đương thời, sau nhiều năm loạn lạc, Hoa Lư là địa điểm chiến lược, nằm ở vị trí trung tâm của đất nước thời đó, không chế được cả khu vực sơn cước từ Thanh Hóa đổ ra, sông Đà đổ xuống, thêm địa thế vừa hùng, vừa hiểm. Tính hiểm yếu của Hoa Lư không chỉ nhờ phần thành lũy, nền điện mà chính bởi hệ thống các thung lũng núi sâu hơn bên trong có thể liên thông với nhau bởi các khe ngách mà ngày nay do nước biển dâng cao đã biến thành những lạch nước ngầm. Khi quyết định dời Đại La về Hoa Lư, Đinh Tiên Hoàng không chỉ muốn dựa vào địa thế hiểm yếu của vùng núi Tràng An, tìm sự hậu thuẫn của quê hương, họ tộc mà còn vì muốn thoát khỏi những liên kết, ràng buộc của thể chế Trung Hoa vẫn còn nhiều ảnh hưởng ở trung tâm châu thổ lớn để chuyên tâm chuẩn bị những bước đi mới cho sự chấn hưng dân tộc. Việc trở về xây dựng kinh đô ở Hoa Lư của vua Đinh Tiên Hoàng không phải là sự quay trở lại với chủ nghĩa địa phương mà

chính là nhằm hướng tới một tầm nhìn rộng lớn hơn của chủ nghĩa dân tộc.

Hoa Lư trở thành kinh đô đầu tiên của nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền ở Việt Nam - nhà nước Đại Cồ Việt, tồn tại 42 năm (968-1010), gắn với sự nghiệp của ba triều đại liên tiếp là nhà Đinh, nhà Tiền Lê và nhà Lý với các dấu ấn lịch sử: thống nhất giang sơn, đánh Tống - dẹp Chiêm và phát tích quá trình định đô Hà Nội. Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền nhà Đinh đã thực sự đánh dấu một bước phát triển vượt bậc trong quản đất nước, một cột mốc quan trọng trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Sau này các triều đại nhà Trần, nhà Tây Sơn đều xây dựng phòng tuyến ở vùng đất này, làm nên những chiến công vang dội.

Hiện nay, khu di tích cố đô Hoa Lư nằm trong quần thể di sản thế giới Tràng An, trở thành một địa điểm du lịch văn hóa lịch sử nổi tiếng ở Ninh Bình, Việt Nam và quốc tế. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết về Đinh Tiên Hoàng như sau: "Đến hồi Thập nhị sứ quân/Bốn phương loạn lạc, muôn dân cơ hàn./Động Hoa Lư có Tiên Hoàng,/Nổi lên gây dựng triều đàng họ Đinh./Ra tài kiến thiết kinh dinh,/Đến vua Phế Đế chi kinh hai đời"⁴. Với việc dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, xưng vương, định đô, đặt quốc hiệu..., Đinh Tiên Hoàng tỏ rõ là người có tài năng quân sự kiệt xuất, tinh thần tự tôn dân tộc, ý chí thống nhất quốc gia, có tinh thần tự lực tự cường, với tầm nhìn chiến lược về chính trị - quốc phòng, phát triển kinh tế, biết tận dụng các yếu tố thiên thời, địa lợi và xây dựng thế trận quốc phòng trong thời bình đủ sức mạnh chiến thắng quân xâm lược. ●

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, t. 1, tr. 154.

2, 3. *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 155.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 260.